

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **03/2022/KDTM-ST**

Ngày 28-9-2022

V/v “tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT TG (sau đây gọi tắt là Công ty TT TG)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1988 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại TB** (sau đây gọi tắt là Công ty TB).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1992 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ S VN** (sau đây gọi tắt là Công ty S VN).

Địa chỉ: Lô 131 A2- 131B1 Khu công nghiệp LG, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông XY – Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty TNHH Công nghệ S VN.

3.2. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Đầu tư Xây dựng VTP** (sau đây gọi tắt là Công ty VTP).

Địa chỉ: 90/3a, Ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1984 – Chức vụ: Phó Giám đốc công ty VTP.

(Ông Đỗ Quốc T có mặt tại phiên tòa; Ông XY và ông Trần Kim Đ có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Ông Nguyễn Quốc T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Quốc T là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TT TG trình bày:**

Vào ngày 15/3/2021, Công ty TT TG có ký kết hợp đồng kinh tế số 09-2021/CNS-TT với Công ty S VN để thi công nhà kho 02 tầng dài 28,4m x rộng 23,4m của Công ty S VN tại Khu công nghiệp LG trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang với tổng giá trị hợp đồng là 3.346.158.028 đồng, thời gian thi công là 95 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 12/5/2021, Công ty TT TG đã ký kết hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB với Công ty TB để Công ty TB thi công nhà kho cho Công ty S VN như hợp đồng đã ký kết giữa công ty TT TG và Công ty S VN. Theo nội dung hợp đồng, thời hạn thi công công trình là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổng giá trị hợp đồng là 28m x 23m x 2 tầng x 1.500.000 đồng = 1.932.000 đồng (bao gồm thuế VAT). Theo đó, Công ty TT TG sẽ thanh toán cho

công ty TB thành các đợt như sau: Đợt 1: Thanh toán 25% tổng giá trị hợp đồng (khi có thư bảo lãnh của Ngân hàng), tương ứng số tiền là 483.000.000 đồng; Đợt 2: Thanh toán 25% tổng giá trị hợp đồng (khi bên thi công tập kết vật tư sắt đã gia công tại công trình), tương ứng với số tiền là 483.000.000 đồng; Đợt 3: Thanh toán 45% tổng giá trị hợp đồng khi nghiệm thu, tương ứng với số tiền là 869.000.000 đồng; Đợt 4: Thanh toán 5% tổng giá trị hợp đồng sau khi hết thời hạn bảo hành, tương ứng số tiền là 96.600.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TT TG đã thanh toán số tiền đợt 1 là 483.000.000 đồng cho Công ty TB. Tuy nhiên, sau khi thanh toán tiền cho đến tháng 04/2022 đã quá thời hạn hơn 90 ngày mà Công ty TB vẫn chưa thực hiện hợp đồng.

Nay Công ty TT TG yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/05/2021 giữa Công ty TT TG ký kết với Công ty TB.
- Buộc Công ty TB phải trả lại các khoản tiền gồm:
 - + Số tiền 483.000.000 đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT TG tạm ứng đợt 1 cho Công ty TB;
 - + Số tiền 463.157.563 đồng do trong thời gian trễ hạn hợp đồng Công ty TT TG đã đưa đơn vị thứ 3 vào thi công và chênh lệch giá so với hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG với Công ty TB;
 - + Số tiền 8.964.000.000 đồng phạt vi phạm do chậm thực hiện hợp đồng với thời gian là 90 ngày (mức phạt là 5%/ngày của tổng giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 1.932.000.000 đồng x 5% x 90 ngày);
 - + Số tiền 28.175.000 đồng là tiền lãi theo lãi suất ngân hàng cho số tiền ứng đợt 01 mà Công ty TB đã nhận nhưng không thi công;
 - + Số tiền 250.000.000 đồng chủ đầu tư phạt do chậm tiến độ thi công công trình.

Ngày 25/8/2022, Công ty TT TG đã nộp cho Tòa án Bản tự khai ghi ngày 04/4/2022, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, Công ty TT TG yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/05/2021 giữa Công ty TT TG ký kết với Công ty TB.
- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TB phải trả lại các khoản tiền gồm:
 - + Số tiền 322.011.292 đồng Công ty TT TG tạm ứng đợt 1 cho Công ty TB (đã trừ lại tiền công ty TB nhập sắt tại công trình là 160.988.708 đồng);
 - + Số tiền 463.157.563 đồng do trong thời gian trễ hạn hợp đồng Công ty TT TG đã đưa đơn vị thứ 3 vào thi công và chênh lệch giá so với hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG với Công ty TB;
 - + Số tiền 2.173.500.000 đồng phạt vi phạm do chậm thực hiện hợp đồng với thời gian là 90 ngày (mức phạt là 5%/ngày của giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 483.000.000 đồng x 5% x 90 ngày);
 - + Số tiền 19.491.305 đồng là tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng với lãi

suất 8,5%/năm cho số tiền ứng đợt 01 mà Công ty TB đã nhận nhưng không thi công từ ngày 12/7/2021 đến ngày 12/8/2022, tạm tính là 13 tháng;

+ Số tiền 250.000.000 đồng chủ đầu tư phạt do chậm tiến độ thi công công trình.

Ngày 05/9/2022, Công ty TT TG tiếp tục nộp đến Tòa án Bản tự khai ghi ngày 01/9/2022 để thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/05/2021 giữa Công ty TT TG ký kết với Công ty TB.

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TB phải trả lại các khoản tiền gồm:

+ Số tiền 284.197.000 đồng Công ty TT TG tạm ứng đợt 1 cho Công ty TB (đã trừ lại số lượng tiền nhập sắt là 198.803.000 đồng dựa theo giá và khối lượng cột của công ty VTP báo);

+ Số tiền 442.909.920 đồng do trong thời gian trễ hạn hợp đồng Công ty TT TG đã đưa đơn vị thứ 3 vào thi công và chênh lệch giá so với hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG với Công ty TB;

+ Số tiền 1.449.000.000 đồng phạt vi phạm do chậm thực hiện hợp đồng 60 ngày, mức phạt là 5%/ngày của tổng giá trị hợp đồng nhưng công ty TT TG chỉ tính bồi thường trên số tiền công ty TT TG đã thanh toán cho công ty TB là 483.000.000 đồng x 5% x 60 ngày (thời gian tạm tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/12/2021);

+ Số tiền 29.927.523 đồng là lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất 8,5%/năm cho số tiền ứng đợt 01 mà Công ty TB đã nhận nhưng không thi công từ ngày 15/6/2021 tạm tính đến ngày 12/9/2022 là 14 tháng 26 ngày.

*** Tại Bản tự khai ghi ngày 17/8/2022, ông Nguyễn Quốc T1 là đại theo pháp luật của bị đơn Công ty TB trình bày:**

Công ty TT TG có bàn giao cho công ty TB một công trình nhà kho tại Khu công nghiệp LG để thi công, kích thước 28m x 23m. Tổng chi phí là 1.932.000.000 đồng. Trong đó, Công ty TT TG hợp đồng với công ty TB để làm giấy bảo lãnh ngân hàng nhưng hơn 01 tháng 10 ngày Công ty TT TG chưa chuyển tiền cho Công ty TB. Sau đó, Công ty TT TG báo cho Công ty TB phải làm giấy bảo lãnh đợt 2 thì phía Công ty TB đã chấp hành. Đúng 01 tuần sau, Công ty TB mới nhận được tiền do Công ty TT TG chuyển là 483.000.000 đồng.

Công ty TB đã mua vật tư có bảng liệt kê chi tiết bán hàng kèm theo là 292.396.819 đồng, tiền nước sơn và nhân công là 112.000.000 đồng và tiền đo đạc là 5.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thời gian thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên Công ty TB không thể hoàn thành công trình theo đúng với thời hạn của hợp đồng đã ký kết giữa 02 bên.

*** Tại Bản tự khai ngày 14/9/2022, Ông XY là đại diện hợp pháp của**

Công ty S VN trình bày:

Việc tranh chấp giữa Công ty TT TG và Công ty TB không liên quan và không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của công ty S VN nên công ty không có ý kiến, yêu cầu gì. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Công ty S VN.

*** Tại Bản tự khai ngày 14/9/2022, Ông Trần Kim Đ là đại diện hợp pháp của Công ty VTP trình bày:**

Công ty VTP có nhận thi công của Công ty TT TG nhà kho 2 tầng dài 28m x rộng 23m, sau khi đàm phán ký hợp đồng mọi chi tiết giá trị thanh toán đều căn cứ trên hợp đồng và chứng từ thanh toán. Nhận thấy, việc Công ty TT TG thừa Công ty TB không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty VTP nên công ty không có ý kiến. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Công ty VTP trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

Ông Đỗ Quốc T thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TB phải trả lại các khoản tiền gồm:
 - + Số tiền 226.000.000 đồng Công ty TT TG tạm ứng đợt 1 cho Công ty TB (đã trừ lại số lượng tiền nhập sắt theo Bản liệt kê chi tiết bán hàng ngày 18/12/2021 của Nhà máy cán Toile – Sắt – Thép – Xà gồ NB khối lượng vật tư là 9.038,07Kg với số tiền là 257.165.719 đồng, làm tròn là 257.000.000 đồng);
 - + Số tiền 287.820.240 đồng do trong thời gian trễ hạn hợp đồng Công ty TT TG đã đưa đơn vị thứ 3 vào thi công và chênh lệch giá so với hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG với Công ty TB;
 - + Số tiền 24.871.300 đồng là lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất 8,5%/năm cho số tiền ứng đợt 01 mà Công ty TB đã nhận nhưng không thi công từ ngày 15/6/2021 tạm tính đến ngày 28/9/2022 là tháng 15 ngày 13 ngày.
 - Rút lại yêu cầu buộc Công ty TB bồi hoàn số tiền 250.000.000 đồng mà chủ đầu tư phạt do chậm tiến độ.
 - Rút lại yêu cầu buộc Công ty TB hoàn trả số tiền 1.449.000.000 đồng phạt vi phạm do chậm thực hiện hợp đồng 60 ngày, mức phạt là 5%/ngày của tổng giá trị hợp đồng nhưng công ty TT TG chỉ tính bồi thường trên số tiền công ty TT TG đã thanh toán cho công ty TB là 483.000.000 đồng x 5% x 60 ngày (thời gian tạm tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/12/2021).
- Tổng số tiền Công ty TB phải hoàn trả cho Công ty TT TG là 538.391.540 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.
- Ông Nguyễn Quốc T1 là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TB vắng mặt tại phiên tòa không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.
 - Ông XY là đại diện hợp pháp của Công ty S VN và ông Trần Kim Đ là đại diện hợp pháp của Công ty TP có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TT TG. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn Công ty TB phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo đơn khởi kiện, Công ty TT TG và Công ty TB ký kết hợp đồng thi công xây dựng nhà kho tại Khu công nghiệp LG tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 5 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của Công ty S VN, Công ty VTP có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TB là ông Nguyễn Quốc T1 vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và các Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quốc T1, ông XY và ông Trần Kim Đ.

[3]. *Về việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đỗ Quốc T là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TT TG đã thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TB phải trả lại các khoản tiền gồm:

+ Số tiền 226.000.000 đồng Công ty TT TG tạm ứng đợt 1 cho Công ty TB (đã trừ lại số lượng tiền nhập sắt theo Bản liệt kê chi tiết bán hàng ngày 18/12/2021 của Nhà máy cán Tole – Sắt – Thép – Xà gồ NB khối lượng vật tư là 9.038,07Kg với số tiền là 257.165.719 đồng, làm tròn là 257.000.000 đồng);

+ Số tiền 287.820.240 đồng do trong thời gian trễ hạn hợp đồng Công ty TT

TG đã đưa đơn vị thứ 3 vào thi công và chênh lệch giá so với hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG với Công ty TB;

+ Số tiền 24.871.300 đồng là lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất 8,5%/năm cho số tiền ứng đợt 01 mà Công ty TB đã nhận nhưng không thi công từ ngày 15/6/2021 tạm tính đến ngày 28/9/2022 là tháng 15 ngày 13 ngày.

- Rút lại yêu cầu buộc Công ty TB bồi hoàn số tiền 250.000.000 đồng mà chủ đầu tư phạt do chậm tiến độ.

- Rút lại yêu cầu buộc Công ty TB hoàn trả số tiền 1.449.000.000 đồng phạt vi phạm do chậm thực hiện hợp đồng 60 ngày, mức phạt là 5%/ngày của tổng giá trị hợp đồng nhưng công ty TT TG chỉ tính bồi thường trên số tiền công ty TT TG đã thanh toán cho công ty TB là 483.000.000 đồng x 5% x 60 ngày (thời gian tạm tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/12/2021).

Tổng số tiền Công ty TB phải hoàn trả cho Công ty TT TG là 538.391.540 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Công ty TB hoàn trả khoản tiền chủ đầu tư phạt do chậm tiến độ công trình và rút yêu cầu đối với việc phạt hợp đồng. Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt hợp đồng và yêu cầu bồi hoàn tiền do chủ đầu tư phạt chậm tiến độ.

[4]. *Về nội dung:*

Ông Đỗ Quốc T là đại diện theo pháp luật của Công ty TT TG theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 19/10/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang; Ông Nguyễn Quốc T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TB theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 06/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 12/5/2021, Công ty TT TG đã ký kết hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB với Công ty TB để Công ty TB thi công nhà kho hai tầng cho Công ty S VN như hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG và Công ty S VN. Theo nội dung hợp đồng, thời hạn thi công công trình là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổng giá trị hợp đồng là 1.932.000.000 đồng, đơn giá là 1.500.000/m². Theo đó, Công ty TT TG sẽ thanh toán cho Công ty TB thành các đợt như sau: Đợt 1: Thanh toán 25% tổng giá trị hợp đồng (khi có thư bảo lãnh của Ngân hàng), tương ứng số tiền là 483.000.000 đồng; Đợt 2: Thanh toán 25% tổng giá trị hợp đồng (khi bên thi công tập kết vật tư sắt đã gia công tại công trình), tương ứng với số tiền là 483.000.000 đồng; Đợt 3: Thanh toán 45% tổng giá trị hợp đồng khi nghiệm thu, tương ứng với số tiền là 869.000.000 đồng; Đợt 4: Thanh toán 5% tổng giá trị hợp đồng sau khi hết thời

hạn bảo hành, tương ứng số tiền là 96.600.000 đồng. Như vậy, hợp đồng được hai bên ký kết có nội dung, hiệu lực hợp đồng là đúng với quy định tại Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm và Điều 138, Điều 139 Điều 141 của Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020. Kể từ thời điểm giao kết hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

[4.1]. *Đối với yêu cầu Công ty TB hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận:*

Quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/5/2021. Ngày 14/6/2021, Công ty TT TG đã có chứng thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước cho Công ty TB tại Ngân hàng TMCP K VN – Chi nhánh Long An với số tiền 483.000.000 đồng. Đến ngày 13/12/2021, Công ty TT TG và Công ty TB cùng ký kết Biên bản xác nhận trễ tiến độ theo hợp đồng số 01/2021/TT-TB. Theo nội dung biên bản, hai bên thống nhất ngày chậm trễ tiến độ là 06 tháng, trừ đi thời gian thực hiện Chỉ thị 16 là 03 tháng, còn lại 03 tháng, tổng ngày chậm trễ là 90 ngày. Sau khi các bên thống nhất biên bản trễ tiến độ, công ty TB vẫn chưa thực hiện thi công theo hợp đồng dẫn đến ngày 30/12/2021, Công ty TT TG phải ký hợp đồng với Công ty VTP để tiếp tục thi công, đảm bảo tiến độ công trình. Kể từ thời điểm này, hợp đồng giữa Công ty TT TG và Công ty TB đã chấm dứt theo Điểm b Khoản 1 Điều 145 Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Tại Bảng liệt kê chi tiết bán hàng (BL số 06) ngày 18/12/2021 của Nhà máy cán Tole – Sắt – Thép – Xà gồ NB cung cấp cho ông Đỗ Quốc T để xác nhận khối lượng vật tư mà Công ty TB đã mua tại Nhà máy NB, được Nhà máy NB ký tên, đóng dấu đỏ xác nhận thì khối lượng vật tư Công ty TB đã mua là 9.038,07Kg với số tiền là 257.165.719 đồng. Như vậy, Ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TB hoàn trả tiền tạm ứng đợt 1 với số tiền 483.000.000 đồng – 257.000.000 đồng = 226.000.000 đồng là phù hợp, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2022, ông Nguyễn Quốc T1 cho rằng số tiền Công ty TB đã nhập vật tư là 292.396.819 đồng, ngoài ra còn tiền nước sơn vằn hân công là 112.000.000 đồng, tiền đo đạc là 5.000.000 đồng. Ông T1 có giao nộp cho Tòa án Bảng liệt kê chi tiết bán hàng ngày 17/8/2022 của Nhà máy cán Tole – Sắt – Thép – Xà gồ NB thì tổng khối lượng là 7.545,83 Kg, sau khi tính các khoản gia công thì tổng số tiền là 292.378.819 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày của mình, ông T1 không giao nộp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày là có căn cứ. Bảng liệt kê chi tiết bán hàng mà ông T1 giao nộp ghi ngày 17/8/2022, tổng khối lượng ít hơn nhưng tổng giá trị thành tiền lại cao hơn so với bảng liệt kê chi tiết bán hàng ngày 18/12/2021 mà ông T giao nộp. Mặc khác, tài liệu ông T1 cung cấp là bản photo, không được

công chứng, chứng thực, không có dấu mộc của Nhà máy NB nên không được xác định là chứng cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông Nguyễn Quốc T1.

[4.2]. Đối với yêu cầu Công ty TB bồi thường chênh lệch giá:

Theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/5/2021, thời gian thi công là 60 ngày, tính từ ngày ký hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TB đã không triển khai thi công dẫn đến công trình trễ tiến độ, vi phạm điều khoản ký kết giữa các bên. Ngày 13/12/2021, giữa Công ty TT TG và Công ty TB đã đàm phán và thống nhất việc chậm trễ tiến độ là 06 tháng, trừ đi thời gian áp dụng Chỉ thị 16 là 03 tháng, hai bên thống nhất trễ tiến độ là 03 tháng, tức 90 ngày. Kể từ ngày lập biên bản xác nhận trễ tiến độ, Công ty TB vẫn không tiếp tục thực hiện việc thi công là đã vi phạm hợp đồng dẫn đến ngày 30/12/2021, Công ty TT TG đã phải ký kết hợp đồng kinh tế số 12-2021/TG-VTP với Công ty VTP để giao Công ty VTP thi công nhà kho cho Công ty S VN để đảm bảo tiến độ công trình như hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TT TG và Công ty S VN.

Theo nội dung hợp đồng giữa Công ty TT TG và Công ty VTP, thời hạn thi công công trình là 30 ngày kể từ ngày Công ty VTP nhận tiền tạm ứng đợt 1, tổng giá trị hợp đồng là 2.219.521.200 đồng, trong đó đơn giá là 1.723.230 đồng/m² (chưa bao gồm thuế VAT 10%). Theo đó, Công ty TT TG sẽ thanh toán cho Công ty VTP thành các đợt như sau: Đợt 1: Thanh toán 40% tổng giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng, tương ứng số tiền là 887.808.480 đồng; Đợt 2: Thanh toán 40% tổng giá trị hợp đồng sau khi tập kết vật tư xuống công trình, tương ứng với số tiền là 887.808.480 đồng; Đợt 3: Thanh toán 15% tổng giá trị hợp đồng sau khi nghiệm thu, tương ứng với số tiền là 332.928.180 đồng; Đợt 4: Thanh toán 5% tổng giá trị hợp đồng sau khi hết thời hạn bảo hành, tương ứng số tiền là 110.976.060 đồng. Như vậy, hợp đồng giữa Công ty TT TG và Công ty VTP ký kết có giá chênh lệch so với hợp đồng giữa Công ty TT TG ký kết với Công ty TB là: $1.723.230 \text{ đồng/m}^2 - 1.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 223.230 \text{ đồng/m}^2$.

Hợp đồng kinh tế giữa Công ty TT TG và Công ty TB không có điều khoản thỏa thuận về việc điều chỉnh hợp đồng do vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng, không quy định về loại trừ trách nhiệm của các bên trong trường hợp rủi ro và bất khả kháng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 và Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Khi Công ty TT TG và Công ty TB thống nhất thời gian trễ tiến độ đã loại trừ trường hợp bất khả kháng do áp dụng Chỉ thị 16 và các bên đều thống nhất trễ tiến độ của hợp đồng. Căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020, nguyên đơn Công ty TT TG yêu cầu

bị đơn Công ty TB bồi thường thiệt hại đối với số tiền chênh lệch giá từ việc Công ty TB vi phạm hợp đồng bắt buộc Công ty TT TG phải ký hợp đồng với Công ty VTP để đảm bảo thi công công trình với chênh lệch giá (1.723.230 đồng/m² so với 1.500.000 đồng/m²) là: 223.230 đồng x 28m x 23m x 2 tầng = 287.520.240 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3]. Đối với yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền:

Thực hiện hợp đồng kinh tế số 01-2021/TT-TB ngày 12/5/2021 giữa Công ty TT TG và Công ty TB, ngày 14/6/2021, Công ty TT TG đã chuyển tiền tạm ứng đợt 1 là 483.000.000 đồng cho Công ty TB. Từ khi nhận tiền, công ty TB chỉ nhập một số vật tư và chỉ thi công được một số hạng mục tại công trình với giá trị là 257.000.000 đồng. Sau khi không thể thi công, theo quy định Công ty TB phải hoàn trả lại cho Công ty TT số tiền 226.000.000 đồng còn lại của tiền tạm ứng đợt 1, nhưng Công ty TB không thực hiện là đã vi phạm hợp đồng, đã gây thiệt hại về quyền lợi đối với Công ty TT TG. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TT TG không yêu cầu phạt hợp đồng đối với Công ty TB mà chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả nợ kể từ ngày nhận tiền tạm ứng đợt 1 là từ ngày 15/6/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là đã có lợi cho Công ty TB nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, thời gian Công ty TB chậm trả nợ tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 28/9/2022 là 15 tháng 13 ngày, làm tròn là 15,5 tháng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2019 và các Điều 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Công ty TB phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 Ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử để quyết định mức lãi suất do chậm trả nợ. Tuy nhiên, Công ty TT TG chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 8,5%/năm (0,71%/tháng), thấp hơn so với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 1 của Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm, yêu cầu của Công ty TT TG là có lợi cho Công ty TB, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc Công ty TB phải có nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm trả nợ cho Công ty TT TG với số tiền lãi là: 226.000.000 đồng x 0,71% x 15,5 tháng = 24.871.300 đồng là phù hợp.

[4.4]. Về phương thức trả nợ:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty TT TG yêu cầu Công ty TB hoàn trả tổng số tiền là 538.391.540 đồng yêu cầu Công ty TB trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn gây thiệt thòi về quyền lợi cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử buộc Công ty TB phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TT

TG số tiền vốn và lãi theo thời gian yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[5]. *Về án phí:*

Công ty TB phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 25.535.661 đồng.

[6]. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 385 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 5 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 113, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 141, Điều 145 và Điều 146 của Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020;
- Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Các Điều 12, 13, 74, 75, 76 và Điều 77 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng TT TG.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại TB trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng TT TG số tiền **538.391.540 đồng** (Năm trăm ba mươi tám triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng TT TG có đơn yêu

cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại TB chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại TB phải chịu **25.535.661 đồng** (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng TT TG số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **59.095.000 đồng** (*Năm mươi chín triệu, không trăm, chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002986 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng TT TG có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại TB, Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ S VN và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Đầu tư Xây dựng VTP có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
 - + ND: Công ty TT TG;
 - + BD: Công ty TB.
 - + Người có QL, NVLQ:
 - Công ty S VN;
 - Công ty VTP.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu